

DỰ THẢO 5

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

THÔNG TƯ

Ban hành Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại.

Điều 1. Ban hành Thông tư Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01** tháng **01** năm 2015 và thay thế Quyết định số 4096/QĐ/BNN-KHCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tiêu chuẩn ngành số 10 TCN 955: 2006 – Kiểm dịch thực vật: *Quy trình phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu.*

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, BVTV.

BỘ TRƯỞNG

DỰ THẢO 5

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam

(Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ở Trung ương được giao nhiệm vụ tổ chức, thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại, xem xét lại các báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại đã thực hiện hoặc đánh giá nguy cơ trở thành cở đại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

3. Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia nước xuất khẩu có trách nhiệm cung cấp thông tin **bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh** phục vụ phân tích nguy cơ dịch hại theo mẫu quy định tại **Phụ lục 2 hoặc phụ lục 3** của Thông tư này và đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật để được thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vùng* là một quốc gia, một phần của một quốc gia, hoặc toàn bộ hoặc nhiều phần của vài quốc gia được công nhận chính thức.

2. *Vùng sinh thái nông nghiệp Việt Nam* gồm: Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

3. *Loài sinh vật có nguy cơ tuyệt chủng* là loài thuộc Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp ban hành theo Thông tư số 40/2013/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. *Vùng bị đe dọa* hay *Vùng có nguy cơ* là vùng có các điều kiện sinh thái thuận lợi cho việc thiết lập quần thể của sinh vật gây hại mà sự có mặt của chúng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế.

5. *Vùng sinh vật gây hại ít phổ biến* là một vùng, một quốc gia, một phần của một quốc gia, hoặc toàn bộ hoặc nhiều phần của nhiều quốc gia được cơ quan có thẩm quyền xác định, ở đó một loài sinh vật gây hại cụ thể xuất hiện với mức độ thấp và là đối tượng chịu sự giám sát, phòng trừ hoặc các biện pháp diệt trừ có hiệu quả.

6. *Sự xâm nhập của một loài sinh vật gây hại* là sự xâm nhập của một loài sinh vật gây hại vào một vùng mà ở đó chúng chưa có hoặc có nhưng phân bố hẹp và phải được kiểm soát nghiêm ngặt.

7. *Du nhập* là sự xâm nhập vào và tạo lập quần thể của một loài sinh vật gây hại.

8. *Thiết lập quần thể* là sự tồn tại và phát triển trong tương lai gần của một loài sinh vật gây hại tại một vùng sau khi xâm nhập.

9. *Nhiễm sinh vật gây hại của một loại hàng hoá* là sự có mặt của một loài sinh vật gây hại thực vật hoặc sản phẩm thực vật được quan tâm trong hàng hoá. Sự nhiễm sinh vật gây hại bao gồm cả sự lây nhiễm.

10. *Bao gói* là vật liệu được sử dụng trong việc hỗ trợ, bảo vệ hoặc mang hàng hoá.

11. “Đánh giá nguy cơ dịch hại đối với đối tượng kiểm dịch thực vật” là đánh giá khả năng du nhập và/hoặc lan rộng của một loài sinh vật gây hại và những hậu quả kinh tế tiềm ẩn liên quan.

12. *Quản lý nguy cơ dịch hại đối với đối tượng kiểm dịch thực vật* là đánh giá và lựa chọn những giải pháp để làm giảm nguy cơ du nhập và lan rộng của một loài đối tượng kiểm dịch thực vật.

13. *Biện pháp kiểm dịch thực vật* là văn bản luật, quy định hoặc quy trình chính thức nhằm ngăn ngừa sự du nhập và/hoặc lan rộng của đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc hạn chế ảnh hưởng kinh tế của các đối tượng phải kiểm soát.

14. *Lan rộng* là sự mở rộng phạm vi phân bố địa lý của loài sinh vật gây hại trong một vùng.

15. *Đường lan truyền* là phương thức cho phép sinh vật gây hại du nhập hoặc lan rộng.

16. *Phân cấp sinh vật gây hại* là quá trình xác định một loài sinh vật gây hại nào đó có hay không có những đặc điểm của đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát.

Điều 3. Yêu cầu chung

1. Quy trình này quy định cụ thể nội dung, trình tự các bước thực hiện một quá trình phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam;

2. Đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu có khả năng sử dụng để trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật sẽ xem xét và quyết định việc thực hiện phân tích nguy cơ trở thành cỏ dại trước khi thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại theo quy trình này;

3. Phân tích nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường đối với kẻ thù tự nhiên sử dụng trong phòng trừ sinh học nhập khẩu vào Việt Nam thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-137: 2013/BNNPTNT.

4. Yêu cầu phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu

Quy trình Phân tích nguy cơ dịch hại bao gồm ba giai đoạn:

- a) Giai đoạn 1: Khởi đầu quá trình phân tích nguy cơ dịch hại;
- b) Giai đoạn 2: Đánh giá nguy cơ dịch hại;
- c) Giai đoạn 3: Quản lý nguy cơ dịch hại.

Đơn vị thực hiện việc phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu phải tuân thủ Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Yêu cầu đối với một báo cáo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại

Báo cáo phải thể hiện đầy đủ kết quả phân tích nguy cơ dịch hại với thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu. Hình thức, nội dung báo cáo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại phải tuân theo quy định trong **Phụ lục 1** của Thông tư Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại này.

Chương II

QUY TRÌNH PHÂN TÍCH NGUY CƠ DỊCH HẠI (PRA)

Điều 4. Giai đoạn khởi đầu quá trình phân tích nguy cơ dịch hại

Có hai điểm khởi đầu cho việc thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại:

1) Xác định đường lan truyền sinh vật gây hại, thường là hàng hoá nhập khẩu mà theo đó đối tượng kiểm dịch thực vật có thể du nhập và/hoặc lan rộng;

2) Xác định xem một loài sinh vật gây hại có thoả mãn định nghĩa của đối tượng kiểm dịch thực vật hay không;

Đối tượng được xem xét có thể bao gồm sinh vật gây hại đã có mặt trong vùng phân tích nguy cơ dịch hại nhưng phân bố hẹp và đang được kiểm soát nghiêm ngặt cũng như những sinh vật gây hại không có mặt trong vùng phân tích nguy cơ dịch hại, nhưng cả hai loại đều phải thoả mãn định nghĩa đối tượng kiểm dịch thực vật.

1. Phân tích nguy cơ dịch hại bắt đầu bằng đường lan truyền

Yêu cầu đối với một phân tích nguy cơ dịch hại mới hoặc sửa đổi bắt đầu từ một đường lan truyền cụ thể sẽ phát sinh chủ yếu từ những tình huống sau:

a) Thương mại quốc tế được bắt đầu với một loại hàng hoá mới hoặc loại hàng hoá có nguồn gốc xuất xứ mới. Phân tích nguy cơ dịch hại có thể được tiến hành bởi yêu cầu nhập khẩu hoặc do buôn bán hàng hoá. Con đường lan truyền có thể liên quan đến một vùng hoặc nhiều vùng của nơi xuất xứ;

b) Các loài thực vật mới được nhập khẩu với mục đích nghiên cứu khoa học và chọn giống;

c) Đường lan truyền khác đã được xác định không phải là hàng hoá nhập khẩu (lan rộng tự nhiên, bao bì đóng gói, bưu phẩm, chất thải, hành lý của hành khách...);

d) Quyết định về một chính sách được thực hiện để xây dựng hoặc sửa đổi các quy định về kiểm dịch thực vật hoặc các yêu cầu liên quan đến hàng hoá nhập khẩu;

e) Một biện pháp xử lý, hệ thống hoặc quy trình mới, hoặc thông tin mới tác động đến quyết định trước đó.

2. Phân tích nguy cơ dịch hại bắt đầu từ một loài sinh vật gây hại

Yêu cầu đối với một phân tích nguy cơ dịch hại mới hoặc sửa đổi bắt đầu từ một loài sinh vật gây hại cụ thể phát sinh chủ yếu trong những tình huống sau:

a) Xuất hiện tình trạng khẩn cấp do việc phát hiện một loài sinh vật gây hại mới đã thiết lập hoặc bùng phát trong vùng phân tích nguy cơ dịch hại;

b) Xuất hiện tình trạng khẩn cấp do việc ngăn chặn một loài sinh vật gây hại mới trên hàng hoá nhập khẩu;

c) Một loài sinh vật gây hại được báo cáo sẽ nguy hại hơn ở vùng mới so với vùng phân tích nguy cơ dịch hại và vùng xuất xứ của nó;

d) Tài liệu lưu trữ cho thấy một loài sinh vật gây hại cụ thể bị tái ngăn chặn;

e) Yêu cầu đề xuất để nhập khẩu một loài sinh vật, ví dụ như yêu cầu của các nhà nghiên cứu, các nhà giáo dục, các nhà sinh học thực nghiệm, thương gia (chủ vật nuôi), ngành công nghiệp thực phẩm (bao gồm cả nuôi nhuyển thể làm thực phẩm) hoặc người chơi cây cảnh (bao gồm cả thực vật thuỷ sinh);

f) Đề xuất của quốc gia khác hoặc một tổ chức quốc tế;

g) Hệ thống xử lý mới, quy trình hoặc thông tin mới ảnh hưởng đến quyết định trước đó.

Liệt kê toàn bộ sinh vật gây hại có thể theo đường lan truyền (ví dụ: theo hàng hoá), sau đó mỗi loài sinh vật gây hại trong danh mục sẽ được chuyển qua giai đoạn 2 của quá trình phân tích nguy cơ dịch hại. Nếu không có đối tượng kiểm dịch thực vật theo đường lan truyền thì phân tích nguy cơ dịch hại sẽ dừng tại đây.

Điều 5. Xem xét lại các Pphân tích nguy cơ dịch hại đã thực hiện trước đây

Phải tiến hành xem xét những báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại trước đây từ cùng một nước, vùng hoặc hàng hóa có liên quan. Nếu đã có sự đánh giá đầy đủ trước đây về nguy cơ dịch hại thì việc đánh giá sẽ kết thúc tại điểm này.

Xem xét tình trạng nhập khẩu (ví dụ : loại hàng hóa từ những nước khác nhau, báo cáo về dịch hại bị phát hiện trên hàng nhập khẩu, v.v).

Điều 6. Đánh giá nguy cơ trở thành cỏ dại

Đánh giá nguy cơ trở thành cỏ dại đối với thực vật, sản phẩm thực vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam có khả năng sử dụng để trồng trọt thực hiện theo quy định.

Điều 7. Đánh giá nguy cơ dịch hại

1. Xem xét số liệu sinh vật gây hại phát hiện được trên thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu

Xem xét các hồ sơ, báo cáo về việc phát hiện và ngăn chặn sinh vật gây hại trên thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu, thể hiện tại Bảng 1. Số liệu về sự ngăn chặn sinh vật gây hại này sẽ được bổ sung vào Bảng 2 để phân cấp sinh vật gây hại.

Bảng 1. Sinh vật gây hại được phát hiện và ngăn chặn (trên hàng hoá).....từ .. (nước)

Sinh vật gây hại	Xuất xứ	Số lần phát hiện				Tổng số
		Quả	Cây	Thân, cành	Bộ phận khác	

2. Phân cấp sinh vật gây hại

Để xây dựng một danh mục sinh vật gây hại đầy đủ đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu, Cục Bảo vệ thực vật sẽ căn cứ vào những nguồn thông tin sau:

a) Danh mục sinh vật gây hại của Việt Nam;

- b) Danh mục và thông tin về sinh vật gây hại của nước xuất khẩu và những yêu cầu về thông tin liên quan được quy định cụ thể trong **Phụ lục 2** của Thông tư Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại này;
- c) Danh mục sinh vật gây hại đã phát hiện trên thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu;
- d) Những kết quả đánh giá nguy cơ dịch hại trước đây;
- e) Kết quả theo dõi sinh vật gây hại tiềm ẩn sau nhập khẩu trong khu vực cách ly;
- f) Các kết quả điều tra cơ bản, tài liệu chuyên môn từ các cơ quan liên quan;
- g) Các cơ sở dữ liệu quốc tế (Trung tâm Sinh học Nông nghiệp quốc tế, tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hiệp quốc, tổ chức Bảo vệ thực vật vùng châu Âu và các trang thông tin có liên quan).

Việc phân cấp sinh vật gây hại cần phải căn cứ vào những thông tin liên quan đến từng loài sinh vật gây hại (Bảng 2) bao gồm:

- m) Thông tin về vị trí phân loại của sinh vật gây hại (Bộ, Họ, Tên khoa học, Tên thông thường....);
- n) Phân bố địa lý (bản đồ phân bố, vùng khí hậu);
- p) Phương thức gây hại;
- q) Đường lan truyền;
- r) Tình trạng quản lý sinh vật gây hại;
- s) Đặc điểm sinh học;
- t) Các thông tin liên quan khác;
- u) Tài liệu tham khảo.

3. Xác định những đối tượng kiểm dịch thực vật có thể theo thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu

Bảng 2. Danh mục sinh vật gây hại liên quan đến thực vật và sản phẩm thực vật ở nước xuất khẩu

Tên sinh vật gây hại	Phân bố địa lý	Bộ phận thực vật bị hại	Đối tượng kiểm dịch thực vật (có/không)	Khả năng di theo thực vật, sản phẩm thực vật (có/không)	Tài liệu tham khảo
Chân đốt					
Các loài sinh vật gây hại (Bộ, Họ)					
Nấm					
Các loài sinh vật gây hại (Bộ, Họ)					
Vi khuẩn					
Các loài sinh vật gây hại (Bộ, Họ)					

Virus					
Các loài sinh vật gây hại					
Tuyến trùng					
Các loài sinh vật gây hại (Bộ, Họ)					
Cỏ dại					
Các loài sinh vật gây hại (Bộ, Họ)					
Sinh vật gây hại khác					

Xem xét về phân bố địa lý, phương thức gây hại và tình trạng sinh vật gây hại đối với Việt Nam, trên cơ sở đó xác định được những loài đối tượng kiểm dịch thực vật có khả năng lan truyền theo thực vật và sản phẩm thực vật vào Việt Nam để tiếp tục xem xét và đánh giá. Những tiêu chí cần xem xét về khả năng du nhập theo thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu của sinh vật gây hại bao gồm:

- a) Sự xuất hiện của sinh vật gây hại ở nước xuất khẩu;
- b) Có khả năng theo thực vật và sản phẩm thực vật;
- c) Là đối tượng kiểm dịch thực vật.

Trên cơ sở những thông tin sinh vật gây hại trong Bảng 2, sinh vật gây hại nào thoả mãn cả 3 tiêu chí trên sẽ được lựa chọn cho việc đánh giá tiếp theo (Bảng 3).

Bảng 3. Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật (có khả năng đi theo hàng hoá - con đường lan truyền) được lựa chọn cho việc đánh giá tiếp theo.

STT	Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật đi theo .. (tên hàng hóa) .. (... tên khoa học của hàng hóa thực vật) được lựa chọn để đánh giá tiếp
Chân đốt	
Bộ	
Họ	
1	<i>Các loài đối tượng kiểm dịch thực vật</i>
Nấm	
Bộ	
Họ	
2	<i>Các loài đối tượng kiểm dịch thực vật</i>
Vi khuẩn	
Bộ	
Họ	
3	<i>Các loài đối tượng kiểm dịch thực vật</i>
Virus	

4	Các loài đối tượng kiểm dịch thực vật
Tuyến trùng	
Bộ	
Họ	
5	Các loài đối tượng kiểm dịch thực vật
Cỏ dại	
Bộ	
Họ	
6	Các loài đối tượng kiểm dịch thực vật
Các loài đối tượng kiểm dịch thực vật khác	

4. Đánh giá hậu quả du nhập (Bảng 4)

Hậu quả du nhập là những ảnh hưởng không mong muốn do sự xâm nhập của đối tượng kiểm dịch thực vật. Những loài sinh vật gây hại này có thể theo đường lan truyền sẽ được đánh giá về hậu quả du nhập của chúng.

Đối với mỗi loài đối tượng kiểm dịch thực vật, hậu quả du nhập được đánh giá căn cứ vào **5 yếu tố nguy cơ**. Mỗi yếu tố nguy cơ của sinh vật gây hại được tính theo mức độ nguy cơ **thấp** (1 điểm), **trung bình** (2 điểm), **cao** (3 điểm). Hậu quả du nhập của mỗi sinh vật gây hại sẽ được tính theo tổng giá trị các yếu tố nguy cơ nêu trên.

Yếu tố 1. Quan hệ giữa sinh vật gây hại với ký chủ và khí hậu

Khi du nhập vào vùng mới có điều kiện khí hậu và ký chủ tương tự như ở nơi xuất xứ, sinh vật gây hại có thể thích nghi, phát triển và gây hại giống như ở nơi xuất xứ. Yếu tố này bao gồm việc xem xét những vấn đề liên quan đến vùng sinh thái và mối quan hệ của sinh vật gây hại với các yếu tố môi trường sinh vật và phi sinh vật. Việc đánh giá dựa vào ký chủ sẵn có và điều kiện khí hậu phù hợp. Để xác định nguy cơ trong yếu tố này, vùng sinh thái được sử dụng để đánh giá là 7 vùng sinh thái nông nghiệp của Việt Nam với sự phân bố của cây ký chủ và điều kiện khí hậu mà sinh vật gây hại có khả năng thiết lập quần thể.

Kết quả đánh giá nguy cơ:

- a) Thấp : Sinh vật gây hại có khả năng thiết lập quần thể trong 1 vùng sinh thái: **1 điểm**
- b) Trung bình: từ 2 - 3 vùng sinh thái: **2 điểm**
- c) Cao : từ 4 vùng sinh thái trở lên: **3 điểm**

Trong trường hợp loài sinh vật gây hại đang đánh giá có khả năng thiết lập quần thể và lan rộng ở vùng **sản xuất tập trung** của loài **cây ký chủ là cây trồng chính** đối với Nông nghiệp Việt Nam thì mức nguy cơ của loài đó sẽ được xem xét và **nâng lên cao hơn một mức** (*chỉ áp dụng với loài sinh vật gây hại có mức nguy cơ thấp hoặc trung bình*) so với quy định đánh giá mức nguy cơ của yếu tố 1.

Yếu tố 2. Phổ ký chủ

Nguy cơ của một loài sinh vật gây hại phụ thuộc vào *khả năng thiết lập quần thể* và *tiềm năng gây hại thực vật* của sinh vật gây hại đó. Với các loài chân đốt, nguy cơ này được coi là mối quan hệ giữa sinh vật gây hại và ký chủ. Với các tác nhân gây bệnh, nguy cơ thường phức tạp hơn và được xác định tùy theo phổ ký chủ và các đặc tính sinh học của bệnh.

Kết quả đánh giá nguy cơ:

- a) Thấp : Sinh vật gây hại chỉ gây hại một hoặc nhiều loài trong một chi thực vật: **1 điểm**
- b) Trung bình: Sinh vật gây hại gây hại một số loài trong một họ thực vật: **2 điểm**
- c) Cao : Sinh vật gây hại gây hại nhiều loài trong một số họ thực vật: **3 điểm**

Yếu tố 3. Khả năng phát tán

Sinh vật gây hại có thể phát tán sau khi du nhập vào một vùng mới. Những vấn đề cần được xem xét bao gồm:

- a) Phương thức sinh sản của sinh vật gây hại;
- b) Khả năng phát tán của sinh vật gây hại;
- c) Các yếu tố trợ giúp cho sự phát tán của sinh vật gây hại.

Kết quả đánh giá nguy cơ:

- a) Thấp: Sinh vật gây hại có khả năng sinh sản thấp và khả năng phát tán chậm: **1 điểm**
- b) Trung bình: Sinh vật gây hại có khả năng sinh sản từ trung bình đến cao hoặc khả năng phát tán từ trung bình đến nhanh: **2 điểm**
- c) Cao: Sinh vật gây hại có tiềm năng sinh học rất cao (ví dụ: có nhiều thế hệ trong năm, nhiều cá thể trong một lần sinh sản và bằng chứng cho thấy sinh vật gây hại có khả năng phát tán nhanh như có thể tự phát tán 10km/năm, hoặc nhờ vào các yếu tố tự nhiên như gió, nước, môi giới truyền hoặc nhân tạo): **3 điểm**

Yếu tố 4. Tác động kinh tế

Sự du nhập của sinh vật gây hại có thể gây ra những tác động kinh tế trực tiếp hoặc gián tiếp khác nhau. Những tác động này được chia thành 3 nhóm:

- a) Giảm sản lượng của cây ký chủ (tác hại trực tiếp hoặc là môi giới truyền bệnh);
- b) Giảm giá trị hàng hóa (ví dụ: do tăng chi phí sản xuất hoặc giảm giá trị thương mại hoặc cả hai);
- c) Mất thị trường trong nước và quốc tế do sự xuất hiện của đối tượng kiểm dịch thực vật.

Kết quả đánh giá nguy cơ:

- a) Thấp : Sinh vật gây hại gây ra nhiều nhất là 1 trong số các tác động : **1 điểm**
- b) Trung bình : Sinh vật gây hại gây ra 2 trong số các tác động : **2 điểm**
- c) Cao : Sinh vật gây hại gây ra cả 3 tác động : **3 điểm**

Yếu tố 5. Tác động môi trường

Để đánh giá nguy cơ của từng sinh vật gây hại đối với môi trường, phải xem xét những yếu tố sau:

- Sự du nhập của sinh vật gây hại có thể ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường (ví dụ: gây hại đến hệ sinh thái, giảm tính đa dạng sinh học);
- Sinh vật gây hại có thể tác động trực tiếp đến các loài thực vật quý hiếm nằm trong danh mục có nguy cơ bị tuyệt chủng của Việt Nam;
- Sinh vật gây hại có thể tác động gián tiếp tới các loài thực vật quý hiếm thuộc danh sách có nguy cơ bị tuyệt chủng của Việt Nam (ví dụ: Tác động đến nơi cư trú và độ ẩm ẩm);
- Sự du nhập của sinh vật gây hại dẫn đến việc phải áp dụng các chương trình quản lý sinh học hoặc hoá chất.

Kết quả đánh giá nguy cơ

- điểm** a) Thấp : Dịch hại không gây ra yếu tố nào kể trên : **1**
- điểm** b) Trung bình : 1 trong các yếu tố trên : **2**
- điểm** c) Cao : 2 yếu tố trở lên : **3**

Đối với mỗi loài sinh vật gây hại, tổng hợp kết quả **5 yếu tố** trên sẽ cho ra mức nguy cơ tổng cộng và giá trị này được xem xét để đánh giá hậu quả du nhập của một loài sinh vật gây hại. Giá trị này được đánh giá như sau:

- Thấp : **5 – 8 điểm**
- Trung bình: **9 -12 điểm**
- Cao: **13 -15 điểm**

Bảng 4. Đánh giá hậu quả du nhập

Sinh vật gây hại	Yếu tố 1	Yếu tố 2	Yếu tố 3	Yếu tố 4	Yếu tố 5	Mức nguy cơ tổng cộng
Các loài sinh vật gây hại (Bộ, Họ)	T,Tb,C (1,2,3)	T,Tb,C (1,2,3)	T,Tb,C (1,2,3)	T,Tb,C (1,2,3)	T,Tb,C (1,2,3)	T,Tb,C (5 - 15)

5. Đánh giá khả năng du nhập của sinh vật gây hại (Bảng 5)

Xem xét yếu tố nguy cơ về khả năng sống sót, xâm nhập vào nơi cư trú và ký chủ phù hợp để đánh giá khả năng du nhập của sinh vật gây hại theo đường lan truyền.

Đối với mỗi loài sinh vật gây hại, có sáu yếu tố phụ cần được xem xét bao gồm:

Yếu tố phụ 1. Khối lượng thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu hàng năm

Khả năng du nhập của một loài sinh vật gây hại tùy thuộc vào lượng thực vật và sản phẩm thực vật có khả năng bị nhiễm sinh vật gây hại được nhập khẩu. Để đánh giá nguy cơ dịch hại một cách định tính, lượng thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu được ước tính theo đơn vị là

số lượng container 40ft. Các đơn vị tính khối lượng khác (ví dụ: kg, ..) đều được quy đổi ra đơn vị container 40ft.

Kết quả đánh giá nguy cơ dựa trên số lượng container 40ft/năm:

- | | |
|---|----------|
| a) Thấp : 10 container/năm:
điểm | 1 |
| b) Trung bình : Từ 10 - 100 container/năm:
điểm | 2 |
| c) Cao : Nhiều hơn 100 container/năm:
điểm | 3 |

Đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu có khả năng sử dụng để trồng trọt, mức nguy cơ của yếu tố phụ 1 sẽ là cao nếu lượng hàng hóa nhập khẩu từ 10 container/năm trở lên.

Yếu tố phụ 2. Khả năng sống sót của sinh vật gây hại sau khi xử lý

Với yếu tố phụ này, việc xử lý sau thu hoạch đề cập đến các biện pháp xử lý thủ công (bằng tay) hoặc các biện pháp kiểm dịch thực vật cụ thể như: cắt, tia, rửa, xử lý hóa chất, kho lạnh... Nếu không có biện pháp xử lý sau thu hoạch nào được thực hiện thì khả năng này được tính là Cao.

Yếu tố phụ 3. Khả năng sống sót của sinh vật gây hại trong quá trình vận chuyển

Để đánh giá sự sống sót của sinh vật gây hại trong quá trình vận chuyển cần phải xem xét đặc điểm sinh học của sinh vật gây hại, điều kiện bảo quản và vận chuyển thực vật, sản phẩm thực vật.

Yếu tố phụ 4. Khả năng sinh vật gây hại không được phát hiện tại cửa khẩu nhập

Thông thường, các lô hàng nhập khẩu phải được kiểm tra theo những quy trình chính thức để phát hiện những sinh vật gây hại có thể nhiễm trên thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu. Để đánh giá yếu tố phụ này, những vấn đề cần phải được xem xét như: loại hàng hoá (ví dụ: giống cây trồng), loài sinh vật gây hại (bệnh tiềm ẩn, các pha phát dục), trình độ cán bộ, trang thiết bị, quy trình đang áp dụng.

Yếu tố phụ 5. Sự vận chuyển tiếp theo của thực vật, sản phẩm thực vật đến môi trường phù hợp cho sự sống sót của sinh vật gây hại

Yếu tố này liên quan đến vị trí địa lý mà thực vật và sản phẩm thực vật sẽ được vận chuyển đến và ở đó có thích hợp cho sinh vật gây hại sống sót hay không. Ngay cả khi thực vật và sản phẩm thực vật bị nhiễm sinh vật gây hại khi xâm nhập vào một quốc gia thì không phải tất cả những nơi hàng hoá được chuyển đến đều có điều kiện khí hậu phù hợp cho sự sống sót của sinh vật gây hại đó.

Đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu với mục đích tiêu dùng (như rau, hoa và quả tươi), nơi bảo quản hàng hóa nhập khẩu thường là các siêu thị hoặc trung tâm thương mại, nơi có điều kiện bảo quản lạnh (**nhiệt độ thấp**) nên ít hoặc không thuận lợi cho sự sống sót của sinh vật gây hại. Vì vậy, mức nguy cơ đối với yếu tố phụ 5 của nhóm hàng hóa này từ thấp tới trung bình.

Đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu để trồng trọt thì nơi bảo quản hàng hóa thường là các kho bảo quản hạt giống cây nên có điều kiện ngoại cảnh thuận lợi cho sự sống sót của sinh vật gây hại. Vì vậy, mức nguy cơ đối với yếu tố phụ 5 của nhóm hàng hóa này từ trung bình tới cao.

Yếu tố phụ 6. Có ký chủ phù hợp cho sự sinh sản của sinh vật gây hại

Trong trường hợp điếm đến cuối cùng của một loại hàng hóa có điều kiện phù hợp cho sự sống sót của sinh vật gây hại thì chúng vẫn cần phải có sẵn các loài ký chủ để tồn tại, do vậy cần phải xem xét phổ ký chủ của sinh vật gây hại.

Đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu **sử dụng cho tiêu dùng** (như rau, hoa và quả tươi), địa điếm đến của hàng hóa thường là các **siêu thị, chợ hoặc trung tâm thương mại**. Những địa điếm này thường **xa với các khu sản xuất trồng trọt** (có các cây ký chủ) nên khả năng tiếp cận với cây ký chủ của sinh vật gây hại bị hạn chế. Bên cạnh đó, phần còn lại sau khi sử dụng, thường được **tiêu hủy cùng với rác thải sinh hoạt**. Vì vậy, **mức nguy cơ** đối với **yếu tố phụ 6** của nhóm hàng hóa này từ **thấp tới trung bình**.

Đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu **để trồng trọt** thì địa điếm đến của hàng hóa thường là các **kho giống, nơi bảo quản giống của nông dân hoặc các khu sản xuất trồng trọt** (có các cây ký chủ thích hợp) nên **khả năng tiếp cận với cây ký chủ của sinh vật gây hại được đánh giá là cao**. Vì vậy, **mức nguy cơ** đối với **yếu tố phụ 6** của nhóm hàng hóa này từ **trung bình tới cao**.

Các yếu tố phụ từ 2- 6 được đánh giá định tính tùy từng trường hợp cụ thể:

- | | | |
|---------------|---|----------|
| a) Thấp | : | 1 |
| điểm | | |
| b) Trung bình | : | 2 |
| điểm | | |
| c) Cao | : | 3 |
| điểm | | |

Những vấn đề được diễn giải trong các yếu tố phụ từ 2 - 6 cần được xem xét một cách độc lập và phải được thực hiện trước khi sinh vật gây hại có thể bùng phát, ví dụ: khi đánh giá một yếu tố thì không được xem xét ảnh hưởng từ yếu tố khác

Kết quả đánh giá khả năng du nhập

- | | | |
|----------------|---|---------------|
| a) Thấp | : | 6 - 9 |
| điểm | | |
| b) Trung bình: | | 10 -14 |
| điểm | | |
| c) Cao: | | 15 -18 |
| điểm | | |

Bảng 5. Khả năng du nhập của sinh vật gây hại

Sinh vật gây hại	Yếu tố phụ 1	Yếu tố phụ 2	Yếu tố phụ 3	Yếu tố phụ 4	Yếu tố phụ 5	Yếu tố phụ 6	Mức nguy cơ dịch hại
	(khối lượng thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu hàng năm)	(khả năng sống sót của sinh vật gây hại sau xử lý)	(khả năng sống sót của sinh vật gây hại trong quá trình vận chuyển)	(khả năng sinh vật gây hại không được phát hiện tại cửa khẩu nhập)	(sự vận chuyển tiếp theo của thực vật, sản phẩm thực vật đến vùng có điều kiện môi trường phù hợp cho sự)	(có ký chủ phù hợp cho sự sinh của sinh vật gây hại)	

					số sống sót của sinh vật gây hại)		
Loài sinh vật gây hại	T, Tb,C (1,2,3)	T, Tb,C (1,2,3)	T, Tb,C (1,2,3)	T, Tb,C (1,2,3)	T, Tb,C (1,2,3)	T, Tb,C (1,2,3)	T, Tb,C (6-18)

6. Kết luận về mức nguy cơ dịch hại và yêu cầu các biện pháp kiểm dịch thực vật cần áp dụng đối với sinh vật gây hại

Để xác định nguy cơ đối với mỗi loài sinh vật gây hại, mức nguy cơ là kết quả tổng cộng của hậu quả du nhập và khả năng du nhập.

Kết luận về mức nguy cơ dịch hại

- a) Thấp: 11 - 18
điểm
- b) Trung bình: 19 - 26
điểm
- c) Cao: 27 - 33
điểm

Bảng 6. Mức nguy cơ dịch hại

Sinh vật gây hại	Hậu quả du nhập	Khả năng du nhập	Mức nguy cơ dịch hại tổng cộng
Các loài sinh vật gây hại	T, Tb, C(5 - 15)	T, Tb, C(6 -18)	T, Tb, C(11 - 33)

7. Tổng hợp quá trình đánh giá nguy cơ dịch hại

Tùy theo mức nguy cơ của mỗi loài sinh vật gây hại, người thực hiện đánh giá nguy cơ có thể nhận xét ngắn gọn về giải pháp quản lý nguy cơ liên quan đến việc nhập khẩu những hàng hóa được yêu cầu.

Mức nguy cơ dịch hại

- a) Thấp : Không cần áp dụng các biện pháp kiểm dịch thực vật làm giảm nguy cơ cụ thể đối với sinh vật gây hại;
- b) Trung bình: Cần thiết áp dụng các biện pháp kiểm dịch thực vật cụ thể;
- c) Cao: Khuyến nghị tăng cường áp dụng các biện pháp kiểm dịch thực vật cụ thể. Việc kiểm tra tại cửa khẩu không đủ đảm bảo mức độ an toàn kiểm dịch thực vật.

Việc xác định và lựa chọn các biện pháp kiểm dịch thực vật để làm giảm nguy cơ dịch hại thông qua đánh giá mức nguy cơ dịch hại cụ thể là một phần của giai đoạn quản lý nguy cơ dịch hại và không được đề cập đến trong phần này.

Điều 8. Quản lý nguy cơ dịch hại

1. Khái quát

Quản lý nguy cơ dịch hại là việc đánh giá và lựa chọn những giải pháp để làm giảm nguy cơ du nhập, thiết lập quần thể và lan rộng của đối tượng kiểm dịch thực vật thông qua thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu.

2. Biện pháp quản lý

Trên cơ sở kết quả đánh giá nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu, có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan như: các nhà khoa học, quản lý, sản xuất, nhập khẩu, Cục Bảo vệ thực vật sẽ tiến hành xem xét đưa ra các yêu cầu quản lý cụ thể để làm giảm nguy cơ dịch hại như:

- a) Xây dựng các yêu cầu và biện pháp kiểm dịch thực vật cụ thể đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu vào Việt Nam;
- b) Đàm phán với nước xuất khẩu để ký kết các văn bản, thoả thuận về việc xuất khẩu thực vật, sản phẩm thực vật vào Việt Nam.

3. Các biện pháp làm giảm nguy cơ dịch hại cần xem xét

- a) Danh mục thực vật, sản phẩm thực vật cấm nhập khẩu từ những quốc gia hoặc vùng cụ thể;
- b) Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật cấm nhập khẩu;
- c) Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu;
- d) Kiểm tra tại nước xuất khẩu;
- e) Yêu cầu các biện pháp xử lý tại nước xuất khẩu (khử trùng, xử lý nhiệt, ...);
- f) Yêu cầu vùng không nhiễm sinh vật gây hại;
- g) Yêu cầu vùng sinh vật gây hại ít phổ biến;
- h) Kiểm tra, xử lý tại cửa khẩu;
- i) Kiểm dịch sau nhập khẩu;
- k) Kiểm tra, giám sát sau khi nhập khẩu;
- l) Các biện pháp khác.

4. Xem xét hiệu quả và tác động của các biện pháp

- a) Kinh tế;
- b) Môi trường;
- c) Xã hội;
- d) Tính khả thi;
- e) Những quy định đang áp dụng;
- f) Thời gian thực hiện một quy định mới.

5. Lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở xem xét những tác động và hiệu quả của các biện pháp để đưa ra sự lựa chọn phù hợp đối với mỗi đối tượng kiểm dịch thực vật cụ thể; đề xuất các quy định kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu.

6. Dự thảo báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại

Theo mẫu báo cáo quy định tại **Phụ lục 1** của Thông tư Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại này.

7. Tổ chức lấy ý kiến của các nhà khoa học đối với dự thảo báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại

Đơn vị thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam phải tổ chức họp với các nhà khoa học chuyên sâu trong từng lĩnh vực để thảo luận đối với dự thảo báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại.

8. Tổ chức lấy ý kiến xây dựng yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Đơn vị thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam phải xây dựng dự thảo yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo mẫu quy định tại **Phụ lục 3** của Thông tư Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại này và lấy ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân dưới đây:

- a) Các cơ quan quản lý nhà nước gồm các bộ, ngành liên quan;
- b) Các tổ chức, cá nhân tham gia nhập khẩu;
- c) Các hiệp hội có liên quan;
- d) Các nhà sản xuất.

9. Hoàn chỉnh báo cáo và trình Cục Bảo vệ thực vật phê duyệt

Bao gồm :

- a) Kết quả đánh giá nguy cơ dịch hại;
- b) Quản lý nguy cơ dịch hại;
- d) Các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu;

10. Thông báo và thông tin

- a) Thông báo theo nghĩa vụ minh bạch hoá của Hiệp định về Áp dụng các biện pháp vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của tổ chức Thương mại thế giới;
- b) Thông tin cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Cục Bảo vệ thực vật

1. Giao đơn vị trực thuộc Cục thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại, xem xét lại các báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại đã thực hiện hoặc đánh giá nguy cơ trở thành cở đại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Thẩm tra và phê duyệt các dự thảo báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại và yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với thực vật, sản phẩm thực vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 10. Kinh phí thực hiện

Hàng năm, Nhà nước đảm bảo cấp kinh phí thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật)/.

BỘ TRƯỞNG

DỰ THẢO 5

Phụ lục 1

MẪU BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGUY CƠ DỊCH HẠI

*(Phụ lục Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mục lục

Trang

1. Thông tin chung.....	
2. Phân tích nguy cơ dịch hại	
2.1. Khởi đầu phân tích nguy cơ dịch hại	
2.2. Báo cáo Phân tích nguy cơ dịch hại trước đây, báo cáo phát hiện sinh vật gây hại tại cửa khẩu.....	
2.3. Phân tích nguy cơ trở thành cỏ dại (nếu có yêu cầu).....	
2.4. Đánh giá nguy cơ dịch hại.....	
2.4.1. Phân nhóm sinh vật gây hại	
2.4.2. Hậu quả du nhập	
2.4.3. Khả năng du nhập	
2.4.4. Kết luận mức nguy cơ.....	
2.5. Quản lý nguy cơ	
2.5.1. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng trên đồng ruộng tại vùng trồng của nước xuất khẩu.....	
2.5.2. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng trong quá trình thu hoạch, chế biến, xử lý sau thu hoạch và đóng gói tại nước xuất khẩu	
2.5.3. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng đối với lô hàng trước khi xuất khẩu.....	
2.5.4. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng đối với lô hàng trong quá trình vận chuyển.....	
2.5.5. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng đối với lô hàng tại cửa khẩu nhập	
2.5.6. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng đối với lô hàng sau khi nhập khẩu	
2.5.7. Xem xét hiệu quả và đánh giá tác động của các biện pháp giảm thiểu nguy cơ dịch hại.....	
2.5.8. Yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu.....	
3. Tác giả và người thẩm định.....	

- 3.1. Tác giả đánh giá
- 3.2. Người thẩm định.....
- 4. Tài liệu tham khảo
- 5. Thông tin sinh học của đối tượng kiểm dịch thực vật.....

Danh mục từ viết tắt

1. Thông tin chung

Thông tin chung liên quan đến hàng hóa đề xuất nhập khẩu bao gồm:

- Tổ chức/cá nhân thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại;
- Dạng hàng hóa nhập khẩu;
- Vùng phân tích nguy cơ dịch hại;
- Nước xuất khẩu;
- Phương pháp tiến hành (tên quy trình áp dụng).

Khái quát về hàng hóa:

- Tên khoa học của hàng hóa (thực vật, sản phẩm thực vật), tên tài liệu và năm xuất bản.
- Tổng hợp bất kỳ thông tin liên quan đến hàng hóa nhập khẩu, bao gồm:
 - + Nơi trồng (sinh học-sinh thái, địa lý, các điều kiện và các bản đồ đất);
 - + Vùng và phương pháp trồng trọt;
 - + Năng suất;
 - + Giống và đặc điểm của thực vật, sản phẩm thực vật;
 - + Thời gian thu hoạch; phương pháp bảo quản; biện pháp xử lý sau thu hoạch; điều kiện bảo quản và phương thức vận chuyển hàng hóa;
 - + Thị trường xuất khẩu và năng lực xuất khẩu.

2. Phân tích nguy cơ dịch hại

Báo cáo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại phù hợp với quy trình phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu nêu ở phần trên, bao gồm:

2.1. Khởi đầu phân tích nguy cơ dịch hại

Khái quát các sự kiện dẫn tới thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại, cung cấp bằng chứng đầy đủ (nếu biết)

2.2. Báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại trước đây và các báo cáo kết quả phát hiện dịch hại tại cửa khẩu

Thu thập đầy đủ các kết quả ngăn chặn và phát hiện dịch hại tại các cửa khẩu đối với thực vật, sản phẩm thực vật cần phải thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại.

Xem xét bất kỳ vấn đề gì có liên quan tới việc ra quyết định đối với hàng hóa và dịch hại trước đây (nghĩa là cấm nhập khẩu một số loài dịch hại).

2.3. Báo cáo phân tích nguy cơ trở thành cỏ dại (báo cáo theo quy trình và mẫu riêng, nếu có yêu cầu)

2.4. Đánh giá nguy cơ dịch hại

2.4.1. Phân cấp sinh vật gây hại

Bất kỳ loài sinh vật gây hại nào được liệt kê vào bảng “Phân cấp sinh vật gây hại” phải được xếp theo thứ tự A, B, C với bộ, họ, loài (của mỗi dòng).

Mỗi loài được đánh giá độc lập với thông tin đầy đủ liên quan (*nghĩa là phát hiện trên đồng ruộng, tại cửa khẩu nhập, hoặc loại bỏ trong quá trình đóng gói, bảo quản, v.v..*).

2.4.2. Hậu quả du nhập

Dựa trên điểm nguy cơ tích lũy, mức nguy cơ của mỗi loài sinh vật gây hại sẽ được xác định ở mức: Cao hoặc trung bình hoặc thấp.

2.4.3. Khả năng du nhập

Khả năng du nhập cũng sẽ được đánh giá dựa trên thang điểm quy định trong quy trình phân tích nguy cơ dịch hại.

2.4.4. Kết luận mức nguy cơ dịch hại

Mỗi loài đối tượng kiểm dịch thực vật sẽ được xác định có mức nguy cơ là cao, trung bình hoặc thấp dựa trên kết quả tổng hợp đánh giá hậu quả du nhập và khả năng du nhập của loài đối tượng kiểm dịch thực vật đó.

2.5. Quản lý nguy cơ

Chỉ áp dụng các biện pháp quản lý nguy cơ và giảm thiểu mức nguy cơ dịch hại đối với những loài có mức nguy cơ dịch hại tổng cộng là **cao** hoặc **trung bình**.

2.5.1. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng trên đồng ruộng tại vùng trồng của nước xuất khẩu

- 2.5.2. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng trong quá trình thu hoạch, chế biến, xử lý sau thu hoạch và đóng gói tại nước xuất khẩu
- 2.5.3. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng đối với lô hàng trước khi xuất khẩu
- 2.5.4. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng đối với lô hàng trong quá trình vận chuyển.....
- 2.5.5. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng đối với lô hàng tại cửa khẩu nhập.....
- 2.5.6. Các biện pháp quản lý nguy cơ đề xuất áp dụng đối với lô hàng sau khi nhập khẩu
- 2.5.7. Xem xét hiệu quả và đánh giá tác động của các biện pháp giảm thiểu nguy cơ dịch hại.....
- 2.5.8. Yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu.....

3. Tác giả đánh giá và thẩm định

3.1. Các tác giả (bao gồm họ và tên và tên cơ quan xếp theo thứ tự A, B, C)

3.2. Những người thẩm định (bao gồm họ và tên và tên cơ quan xếp theo thứ tự A, B, C)

4. Tài liệu tham khảo

5. Thông tin sinh học của đối tượng kiểm dịch thực vật

DỰ THẢO 5

Phụ lục 2

THÔNG TIN CẦN CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN PHÂN TÍCH NGUY CƠ DỊCH HẠI

(Phụ lục Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. Yêu cầu chung

Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia nước xuất khẩu là cơ quan thẩm quyền và có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng **tiếng Việt** hoặc **tiếng Anh** (bao gồm cả bản cứng và mềm) phục vụ phân tích nguy cơ dịch hại theo Thông tư Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại này;

Những thông tin này phải có thời gian không quá **10** năm tính đến ngày cung cấp và được thẩm định bởi tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia nước xuất khẩu.

II. Yêu cầu cụ thể

1. Địa chỉ đầy đủ của tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (điện thoại, fax và địa chỉ email của người có trách nhiệm về cung cấp thông tin).

2. Thông tin cần cung cấp để phân tích nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường của kẻ thù tự nhiên nhập khẩu sử dụng trong phòng trừ sinh học

Thực hiện theo mẫu quy định tại **Phụ lục 3** của Thông tư này.

3. Thông tin về hàng hóa/ thực vật, sản phẩm thực vật đề nghị xuất khẩu vào Việt Nam

- 2.1 Tên khoa học;
- 2.2 Vị trí phân loại;
- 2.3 Tên thông thường;
- 2.4 Tên gọi khác (Syn.);
- 2.5 Giống/dòng;
- 2.6 Bộ phận thực vật sẽ xuất khẩu vào Việt Nam (quả, hạt, ..);
- 2.7 Đề xuất mục đích sử dụng cuối cùng của hàng hóa (nhân giống, tiêu dùng, chế biến);
- 2.8 Những nước đã từng nhập khẩu hàng hoá này (không kể Việt Nam);
- 2.9 Hình ảnh của hàng hóa/thực vật, sản phẩm thực vật.

3. Thông tin về vùng sản xuất

- 3.1 Vùng, bang/tỉnh, huyện sản xuất để xuất khẩu;

- 3.2 Mô tả khí hậu của vùng sản xuất để xuất khẩu (nhiệt độ cao nhất, thấp nhất và trung bình năm; lượng mưa trung bình năm; tốc độ gió);
- 3.3. Thời gian (tháng) gieo trồng và thời gian (tháng) thu hoạch trong năm;
- 3.3. Khối lượng dự kiến xuất khẩu (tấn/năm);
- 3.3 Bản đồ vùng sản xuất.

4. Phương pháp canh tác

- 4.1 Những chương trình giám sát và quản lý sinh vật gây hại cụ thể; quy trình chứng nhận (dữ liệu điều tra/phương pháp lấy mẫu/quy trình chứng nhận, v.v.);
- 4.2. Sản phẩm từ vùng không nhiễm sinh vật gây hại được chứng nhận bởi tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia;
- 4.3. Giới hạn của pháp luật trong nội địa (các vùng không nhiễm sinh vật gây hại, các biện pháp/yêu cầu kiểm soát nhập khẩu, v.v.);
- 4.4. Sản xuất, phương pháp thu hoạch, giai đoạn thu hoạch;

5. Thông tin về sinh vật gây hại liên quan đến hàng hóa xuất khẩu và môi giới của các tác nhân gây bệnh gây hại cho cây trồng (tham khảo bảng dưới đây)

Tên khoa học và tên gọi khác	Tên thông thường	Bộ	Họ	Bộ phận thực vật bị hại (nghĩa là: trứng trên lá, sâu non trên hoặc trong quả, v.v.)	Phân bố	Tài liệu tham khảo
Nhện nhỏ 1.						
Côn trùng 1.						
Nấm 1.						
Vi khuẩn 1.						
Virus 1.						
Tuyến trùng 1.						
Cỏ dại 1.						

Sinh vật gây hại khác 1.						
-----------------------------------	--	--	--	--	--	--

6. Thông tin về quản lý sau thu hoạch

- 6.1. Phương pháp đóng gói;
- 6.2. Quy trình kiểm tra;
- 6.3. Các biện pháp xử lý chống lây nhiễm/chống nhiễm sinh vật gây hại sau thu hoạch và hiệu quả của từng biện pháp;
- 6.4. Điều kiện bảo quản sau thu hoạch và an ninh;
- 6.5. Phương pháp và điều kiện vận chuyển (trong nước và quốc tế) hàng hóa xuất khẩu;
- 6.6. Hình ảnh hàng hóa đã đóng gói, dán nhãn để xuất khẩu.

7. Quy trình chứng nhận kiểm dịch thực vật hiện tại (kiểm tra đồng ruộng, lấy mẫu, thông báo bổ sung, v.v.)

8. Thông tin về phương tiện vận chuyển và điều kiện bảo quản hàng hóa trong quá trình vận chuyển

- 8.1. Phương tiện và phương thức vận chuyển hàng hóa xuất khẩu;
- 8.2. Điều kiện bảo quản hàng hóa xuất khẩu (nhiệt độ, độ ẩm) trong quá trình vận chuyển.

9. Kết quả phân tích nguy cơ dịch hại đã được thực hiện ở các nước khác

Phân tích nguy cơ dịch hại đã thực hiện phải phù hợp với hướng dẫn của các tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật, đặc biệt là các tiêu chuẩn về hướng dẫn phân tích nguy cơ dịch hại.

Để hoàn thành báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại có thể bao gồm việc kiểm tra hoặc giám sát tại nước xuất khẩu của cán bộ kiểm dịch thực vật Việt Nam để đánh giá biện pháp quản lý sinh vật gây hại tại các vùng sản xuất, quy trình chứng nhận xuất khẩu, các xử lý chống lây nhiễm/chống nhiễm sinh vật gây hại, v.v.

10. Nước xuất khẩu có trách nhiệm cung cấp chi phí cho việc kiểm tra hoặc giám sát tại nước xuất khẩu như đã nêu ở đoạn 2, điểm 9 trên.

Chi phí cho cán bộ kiểm dịch thực vật Việt Nam đến giám sát hoặc kiểm tra kiểm dịch thực vật tại nước xuất khẩu bao gồm: Vé máy bay khứ hồi, tiền tiêu hàng ngày, tiền ngủ (bao gồm cả ăn sáng) và các chi phí khác (đi lại trong nước, chi phí visa và hộ chiếu, phí sân bay, chi phí bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế, v.v.)/.

DỰ THẢO 5

Phụ lục 3

THÔNG TIN CẦN CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN PHÂN TÍCH NGUY CƠ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG CỦA KẼ THÙ TỰ NHIÊN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG TRONG PHÒNG TRỪ SINH HỌC

(Phụ lục Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. Yêu cầu chung

Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia nước xuất khẩu là cơ quan thẩm quyền và có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng **tiếng Việt** hoặc **tiếng Anh** (bao gồm cả bản cứng và mềm) phục vụ phân tích nguy cơ dịch hại theo Thông tư Quy định về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại này;

Những thông tin này phải có thời gian không quá **10** năm tính đến ngày cung cấp và được thẩm định bởi tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia nước xuất khẩu.

II. Yêu cầu cụ thể

1. **Địa chỉ đầy đủ của tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia** (điện thoại, fax và địa chỉ email của người có trách nhiệm về cung cấp thông tin)

2. **Thông tin chung về loài dịch hại cần phòng trừ bằng tác nhân phòng trừ sinh học**

2.1. Phân loại: Tên khoa học, vị trí phân loại (lớp, bộ, họ, loài, chủng, ...), tên khác, tên thông thường (nếu có), các đặc điểm để phân loại.

2.2. Nguồn gốc, phân bố.

2.3. Đặc điểm sinh học, sinh thái.

2.4. Tình hình phân bố và gây hại của các loài dịch hại chủ yếu khác có quan hệ họ hàng gần gũi với loài dịch hại cần phòng trừ.

2.5. Tình trạng dịch hại cần phòng trừ bằng tác nhân phòng trừ sinh học ở vùng phân tích nguy cơ (bao gồm cả các luật đang được áp dụng với dịch hại).

2.6. Hiện trạng về các loài thiên địch của dịch hại cần phòng trừ.

2.7. Tác động kinh tế.

2.8. Các biện pháp phòng trừ dịch hại đã được áp dụng.

3. **Thông tin chung về tác nhân phòng trừ sinh học nhập khẩu**

3.1. Phân loại: Tên khoa học, vị trí phân loại (lớp, bộ, họ, loài, chủng, ...), tên khác, tên thông thường (nếu có), các đặc điểm để phân loại.

3.2. Nguồn gốc và phân bố (bao gồm cả phân bố trong tự nhiên và những vùng đã phóng thả).

3.3. Đặc điểm sinh học sinh thái trong thí nghiệm và ở ngoài tự nhiên: Vòng đời, số thế hệ/năm, thông tin về sinh trưởng, phát triển và sinh sản như phương thức sinh sản, tập tính ký sinh hoặc ăn thịt, giai đoạn phát triển, tuổi thọ, tiềm năng sinh sản,...; phương thức bảo tồn nòi giống (như trú đông, ngủ nghỉ, trú ẩn, di trú,...); phương thức phát tán; điều kiện khí hậu ở nơi tác nhân phòng trừ sinh học xuất hiện trong tự nhiên và ở những nơi đã từng phóng thả.

3.4. Chức năng của tác nhân phòng trừ sinh học: ký sinh/cộng sinh/bắt mồi ăn thịt,...

3.5. Phương pháp giám định tác nhân phòng trừ sinh học (ví dụ: Hình thái học, phân tử, ...).

3.6. Địa điểm sản xuất tác nhân phòng trừ sinh học.

3.7. Phương pháp sản xuất, đóng gói, bảo quản và cách sử dụng (liều lượng phóng thả và tần suất phóng thả).

3.8. Phương pháp làm thuần và loại bỏ tạp chất.

3.9. Phổ ký chủ trong tự nhiên và trong điều kiện thí nghiệm.

3.10. Nguồn thu thập tác nhân phòng trừ sinh học (phòng thí nghiệm, dụng cụ nhân nuôi, dụng cụ đóng gói, địa điểm thu thập tác nhân phòng trừ sinh học ban đầu, tên người lấy mẫu, tên người giám định).

3.11. Các loài sinh vật tương tác (ví dụ: Ký sinh bậc 2, nấm bệnh hại tác nhân phòng trừ sinh học, các loài cạnh tranh, các sinh vật đối kháng, ...).

3.12. Lịch sử sử dụng tác nhân phòng trừ sinh học.

3.13. Những loài nấm bệnh, ký sinh và ký sinh bậc 2 gây hại cho tác nhân phòng trừ sinh học và biện pháp loại trừ các tác nhân này.

3.14. Những thông tin về các loài sinh vật khác có quan hệ họ hàng hoặc tương tự tác nhân phòng trừ sinh học./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

*(Phụ lục Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

1. Giới thiệu chung

2. Yêu cầu về việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu nguy cơ dịch hại

2.1. Yêu cầu áp dụng các biện pháp giảm thiểu nguy cơ dịch hại áp dụng trước khi thu hoạch sản phẩm

2.1.1. Yêu cầu vùng không nhiễm sinh vật gây hại;

2.1.2. Yêu cầu vùng ít phổ biến dịch hại;

2.1.3. Yêu cầu về chương trình phòng trừ dịch hại;

2.1.4. Yêu cầu về chương trình kiểm tra, chứng nhận kiểm dịch thực vật trong quá trình sản xuất của cơ quan kiểm dịch thực vật nước xuất khẩu.

2.2. Yêu cầu áp dụng các biện pháp giảm thiểu nguy cơ dịch hại áp dụng sau thu hoạch và trước khi xuống tàu

2.2.1. Yêu cầu về quy trình chế biến, đóng gói sản phẩm và đảm bảo an toàn không nhiễm sinh vật gây hại cho sản phẩm sau thu hoạch;

2.2.2. Yêu cầu áp dụng các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật;

2.2.3. Yêu cầu về quy trình lấy mẫu và kiểm tra trước khi xuất khẩu;

2.2.4. Yêu cầu về vận chuyển và địa điểm phân phối hàng hóa trong lãnh thổ Việt Nam.

2.3. Yêu cầu áp dụng chương trình giám sát

2.3.1. Yêu cầu đối với chương trình kiểm tra trước khi xuống tàu;

2.3.2. Yêu cầu đối với chương trình điều tra, bẫy bả trên đồng ruộng tại nước xuất khẩu;

2.3.4. Yêu cầu về truy xuất nguồn gốc các lô hàng nhập khẩu tại nước xuất khẩu.

3. Kết luận